

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

**Những dấu hiệu tích cực trong xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang Thái  
Lan trong 8 tháng đầu năm**

*Thực hiện nhiệm vụ thuộc Kế hoạch hành động triển khai Chương trình hành động  
thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hoá đến năm 2030*

**Hà Nội, 2024**

## **I. Tổng quan về quan hệ thương mại Việt Nam – Thái Lan**

Trong những năm gần đây, tình hình xuất nhập khẩu và giao thương thương mại giữa Việt Nam và Thái Lan đã chứng kiến sự phát triển không ngừng và sự linh hoạt theo bối cảnh kinh tế toàn cầu. Số liệu về tổng kim ngạch thương mại song phương đã phản ánh rõ nét sự biến động và xu hướng trong mối quan hệ kinh tế giữa hai quốc gia.

Năm 2020, tổng kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Thái Lan đạt 15,88 tỷ USD, mức giảm đáng kể so với các năm trước đó. Sự sụt giảm này chủ yếu do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, với các biện pháp phong tỏa và gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu đã làm giảm mạnh hoạt động xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, cả hai quốc gia đã nhanh chóng thích ứng với hoàn cảnh mới, triển khai các chính sách hỗ trợ và phục hồi kinh tế.

Sang năm 2021, tổng kim ngạch thương mại đã tăng lên 18,74 tỷ USD, cho thấy dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ. Mặc dù đại dịch vẫn tiếp tục ảnh hưởng. Trong năm này, Việt Nam tiếp tục là nguồn cung cấp quan trọng cho Thái Lan với các mặt hàng như điện thoại, linh kiện điện tử, và hàng dệt may, trong khi Thái Lan xuất khẩu sang Việt Nam các sản phẩm máy móc, thiết bị và hàng tiêu dùng.

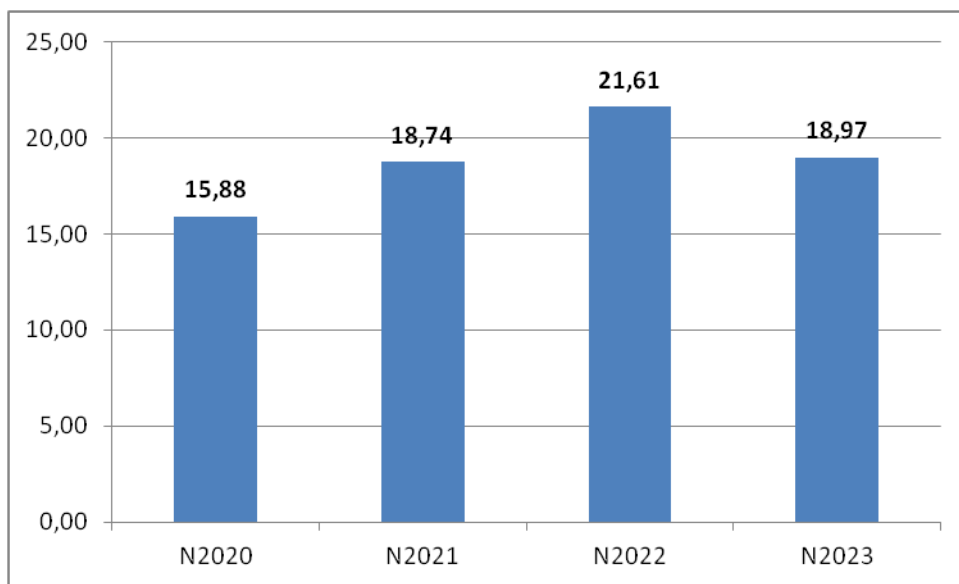
Năm 2022 đánh dấu một năm tăng trưởng mạnh mẽ khi tổng kim ngạch thương mại giữa hai nước đạt 21,61 tỷ USD. Sự gia tăng này phản ánh sự phục hồi hoàn toàn và sự gia tăng nhu cầu trong cả hai chiều xuất khẩu và nhập khẩu. Việt Nam tiếp tục duy trì xuất khẩu các mặt hàng chủ lực sang Thái Lan, trong khi Thái Lan cũng đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp và tiêu dùng. Sự phục hồi này không chỉ nhờ vào việc khôi phục hoạt

động sản xuất và tiêu dùng mà còn nhờ vào sự gia tăng đầu tư và hợp tác kinh tế giữa hai quốc gia.

Tuy nhiên, năm 2023 chứng kiến sự điều chỉnh với tổng kim ngạch thương mại giảm nhẹ xuống còn 18,97 tỷ USD. Mặc dù vẫn giữ mức cao so với các năm trước đại dịch, sự giảm sút này có thể cho thấy những thách thức toàn cầu như sự bất ổn kinh tế, biến động giá cả và thay đổi trong chuỗi cung ứng. Dù vậy, sự điều chỉnh này không làm giảm đi sự quan trọng của mối quan hệ thương mại giữa hai quốc gia. Cả Việt Nam và Thái Lan đều tiếp tục tìm kiếm các cơ hội mới để nâng cao hợp tác và tăng cường mối liên kết kinh tế, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao và công nghiệp chế biến.

**Biểu đồ 1: Tổng kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam –Thái Lan giai đoạn 2020-2023**

*Đơn vị tính: Tỷ USD\*



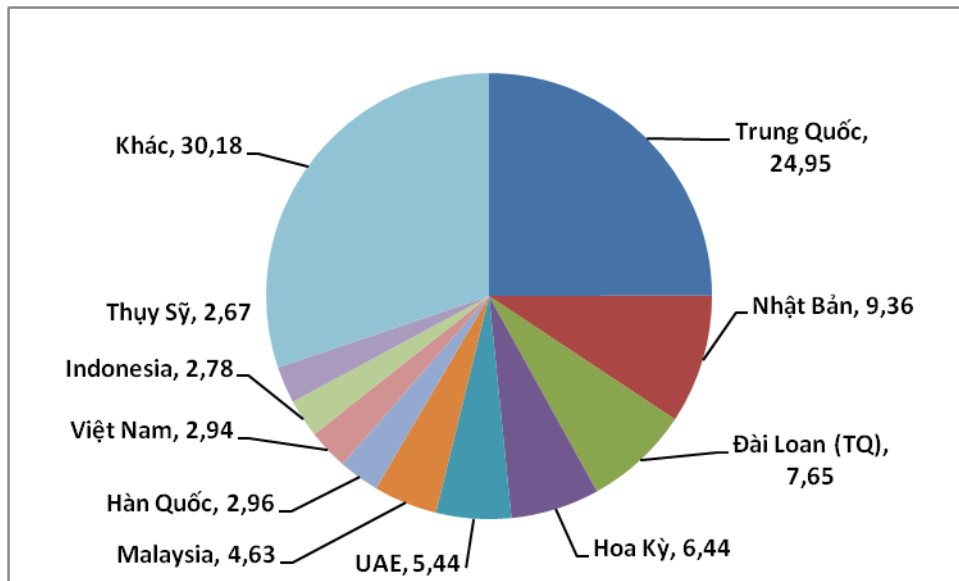
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Sự biến động trong tổng kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Thái Lan trong giai đoạn từ năm 2020- 2023 phản ánh sự phục hồi và điều chỉnh

linh hoạt theo những thay đổi của nền kinh tế toàn cầu. Dù gặp phải những khó khăn và thách thức, mối quan hệ thương mại giữa hai quốc gia vẫn duy trì sự phát triển tích cực và mở ra nhiều cơ hội hợp tác trong tương lai.

**Biểu đồ 2: Các thị trường nhập khẩu hàng hóa lớn nhất của Thái Lan trong năm 6 tháng đầu năm 2024 (Việt Nam xếp thứ 8)**

*Đơn vị tính: %*



*Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC*

Theo số liệu thống kê từ ITC, 6 tháng đầu năm 2024, Việt Nam là nguồn cung hàng hoá lớn thứ 8 của Thái Lan, chiếm tỷ trọng 2,94% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Thái Lan, cải thiện so với mức 2,7% của cùng kỳ năm 2023. Đứng đầu trong danh sách này là các thị trường như: Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan (Trung Quốc), Hoa Kỳ, UAE...

**Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng của Việt Nam sang Thái Lan  
trong tháng 8/2024**

*Đơn vị tính: Triệu USD, %*

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 8/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 7/2024 (%)	So với Tháng 8/2023 (%)	8 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 8 Tháng 2024 (%)
Tổng	623,08	-10,58	-4,23	5.235,53	7,29	100
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	100,41	1,62	11,32	666,71	2,71	12,73
Điện thoại các loại và linh kiện	40,30	-40,71	-49,43	608,06	-13,66	11,61
Dầu thô	0,00	-100	-100	526,01	-1,14	10,05
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	82,39	35,2	35,44	497,83	25,77	9,51
Hàng hóa khác	57,49	10,91	6,66	455,49	7,83	8,70
Phương tiện vận tải và phụ tùng	46,11	-3,27	-28,16	391,15	-22,68	7,47
Sản phẩm hóa chất	41,00	-23,62	285,26	285,82	265,41	5,46
Hàng dệt, may	26,82	9,16	12,5	192,06	26,89	3,67
Hàng rau quả	41,08	66,22	184,32	163,42	89,45	3,12
Sản phẩm từ chất dẻo	19,91	-3,39	129,72	158,90	151,46	3,04
Hàng thủy sản	21,10	-4,05	-14,1	149,67	-12,57	2,86
Cà phê	20,58	-0,83	119,66	127,45	88,93	2,43
Kim loại thường khác và sản phẩm	11,26	-27	15,53	110,48	-10,94	2,11
Sắt thép các loại	8,40	-50,16	-58,74	98,59	-49,2	1,88
Giấy và các sản phẩm từ giấy	12,86	5,8	-0,22	91,09	5,96	1,74
Sản phẩm từ sắt thép	13,25	5,51	52,79	84,24	43,95	1,61
Chất dẻo nguyên liệu	6,86	-21,03	15,16	84,15	20,4	1,61
Giày dép các loại	8,76	-14,92	-8,98	72,97	6,15	1,39
Hóa chất	11,41	618,7	64,86	55,33	-5,86	1,06
Dây điện và dây cáp điện	6,64	-7,51	-3,53	52,99	-6,66	1,01
Gỗ và sản phẩm gỗ	6,56	-10,31	10,02	52,27	34,18	1,00
Xơ, sợi dệt các loại	6,23	-12,86	24,36	47,89	-18,99	0,91

Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	3,43	321,57	-30,59	41,00	132,97	0,78
Hạt điều	6,87	21,11	64,44	35,34	-0,32	0,68
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	3,30	-9,46	-18,92	29,95	-0,21	0,57
Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	3,75	2,18	-24,8	25,74	-23,69	0,49
Sản phẩm gốm, sứ	3,31	27,17	-9,9	23,70	-7	0,45
Hạt tiêu	1,69	-55,49	4,81	22,77	46,86	0,43
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	3,16	25,89	9,86	21,12	-0,47	0,40
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	2,42	17,06	-0,91	17,20	12,35	0,33
Sản phẩm từ cao su	2,08	22,45	-7,74	15,08	-14,56	0,29
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	1,04	-16,16	-0,49	8,22	-0,85	0,16
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	1,64	45,15	206,2	7,77	121,08	0,15
Phân bón các loại	0,84	233,83	7,64	6,41	-0,84	0,12
Xăng dầu các loại	0,00		-100	6,23	51,25	0,12
Than các loại	0,00		-100	1,50	-47,77	0,03
Quặng và khoáng sản khác	0,13			0,94	198,23	0,02

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 8 năm 2024, tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Thái Lan đã cho thấy sự điều chỉnh đáng kể, với kim ngạch xuất khẩu đạt 623,08 triệu USD, giảm 10,58% so với tháng trước và giảm 4,23% so với cùng tháng năm trước.

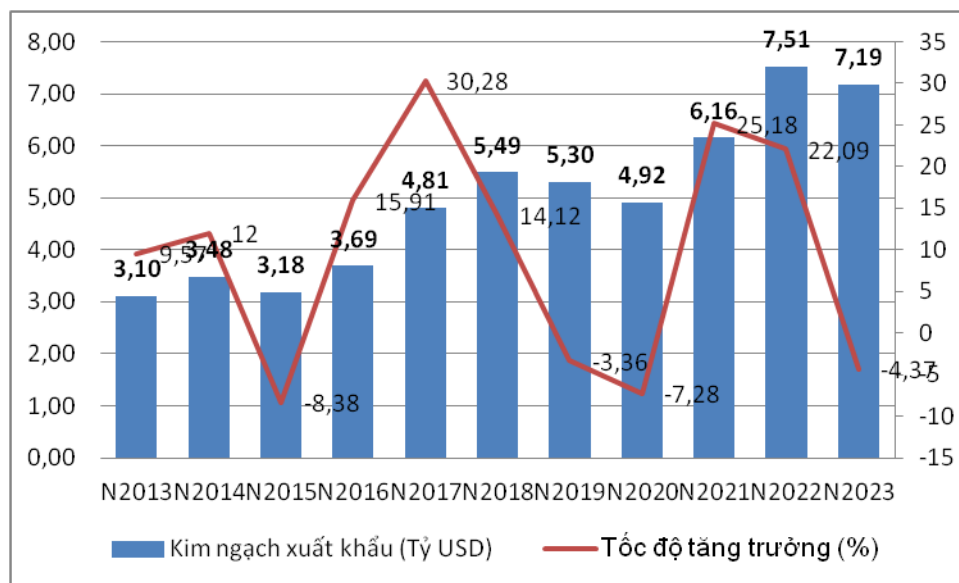
Mặc dù kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang Thái Lan trong tháng 8 giảm, kết quả lũy kế 8 tháng đầu năm 2024 lại cho thấy một bức tranh tích cực hơn. Tổng kim ngạch xuất khẩu trong khoảng thời gian này đạt 5,23 tỷ USD, tăng 7,29% so với cùng kỳ năm trước. Điều này cho thấy sự tăng trưởng ổn định trong hoạt động xuất khẩu, bất chấp những biến động ngắn hạn trong tháng 8.

Sự giảm sút trong tháng 8 có thể được giải thích bởi một số nguyên nhân, bao gồm biến động nhu cầu từ thị trường Thái Lan, sự thay đổi trong chuỗi cung

ứng hoặc yếu tố mùa vụ. Đặc biệt, nhu cầu tiêu thụ của Thái Lan có thể đã có sự thay đổi, ảnh hưởng đến lượng hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam. Thêm vào đó, sự biến động giá cả và các yếu tố kinh tế vĩ mô toàn cầu cũng có thể đã tác động đến kim ngạch xuất khẩu.

Tuy nhiên, sự gia tăng lũy kế trong 8 tháng đầu năm cho thấy rằng xuất khẩu của Việt Nam sang Thái Lan vẫn giữ được đà tăng trưởng tích cực. Sự tăng trưởng này có thể được thúc đẩy bởi việc mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực chính như điện tử, máy móc và hàng tiêu dùng mà Việt Nam có thể mạnh cạnh tranh. Những nỗ lực trong việc củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu, cũng như sự phát triển trong các lĩnh vực công nghiệp và sản xuất cũng là những yếu tố đã góp phần vào sự gia tăng tổng kim ngạch xuất khẩu.

**Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Thái Lan trong giai đoạn 2012 – 2023**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

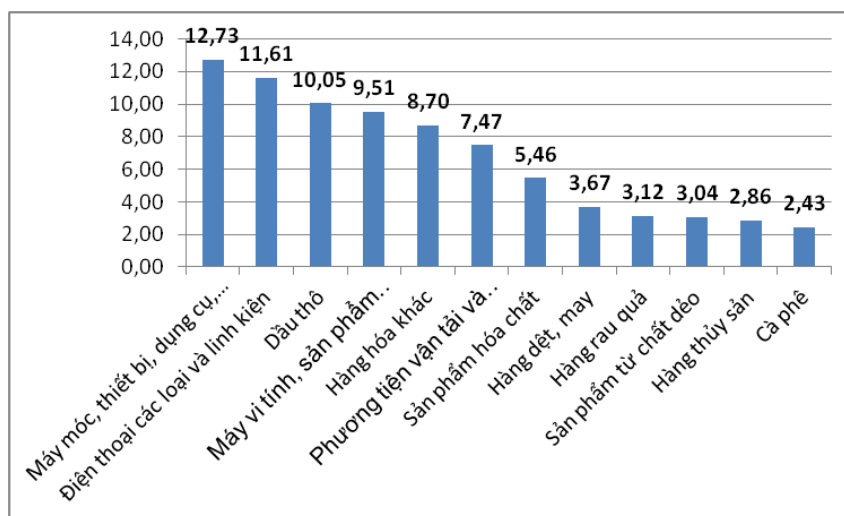
Sự phân bố mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Thái Lan trong 8 tháng đầu năm 2024 cho thấy một bức tranh đa dạng và đầy thách thức. Đứng đầu danh sách các mặt hàng xuất khẩu nhiều nhất sang Thái Lan trong 8 tháng đầu năm 2024

là mặt hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng, với kim ngạch xuất khẩu trong tháng 8 đạt 100,41 triệu USD, tăng 1,62% so với tháng trước và tăng 11,32% so với cùng tháng năm trước. Tổng kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng này trong 8 tháng đầu năm đạt 666,71 triệu USD, chiếm tỷ trọng 12,73% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Thái Lan.

Ngược lại, mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện đã ghi nhận sự suy giảm mạnh mẽ trong cùng kỳ. Trong tháng 8 năm 2024, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này chỉ đạt 40,3 triệu USD, giảm 40,71% so với tháng trước và giảm 49,43% so với cùng tháng năm trước. Tổng kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng này trong 8 tháng đầu năm đạt 608,06 triệu USD, giảm 13,66% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 11,61% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Thái Lan. Sự sụt giảm đáng kể này có thể phản ánh sự điều chỉnh trong nhu cầu của thị trường Thái Lan đối với điện thoại và linh kiện, cũng như các yếu tố cạnh tranh từ các quốc gia khác và sự biến động trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

**Biểu đồ 4: Nhóm các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Thái Lan trong 8 tháng đầu năm 2024**

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan



Trong tháng 8 năm 2024, tình hình nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Thái Lan đã có những diễn biến đáng chú ý. Kim ngạch nhập khẩu từ Thái Lan trong tháng này đạt 1,09 tỷ USD, giảm 7,24% so với tháng trước nhưng lại tăng 13,62% so với cùng tháng năm trước.

Lũy kế 8 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Thái Lan đạt 7,8 tỷ USD, tăng 1,31% so với cùng kỳ năm trước. Sự gia tăng này mặc dù không quá mạnh mẽ nhưng vẫn cho thấy một xu hướng ổn định và bền vững trong thương mại với Thái Lan.

Trong 8 tháng đầu năm 2024, tình hình nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đã cho thấy những biến động đáng chú ý, đặc biệt là ở nhóm mặt hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, là mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất từ thị trường Thái Lan. Trong tháng 8/2024, kim ngạch nhập khẩu của nhóm mặt hàng này đạt 102,12 triệu USD, giảm 6,55% so với tháng trước và giảm 22,68% so với cùng tháng năm trước.

Lũy kế 8 tháng đầu năm, tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện từ Thái Lan đạt 799,46 triệu USD, giảm 34,84% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù mặt hàng này chiếm tỷ trọng 10,25% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Thái Lan trong 8 tháng đầu năm 2024.

**Bảng 2: Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng của Việt Nam từ Thái Lan trong tháng 8 năm 2024.**

*Đơn vị tính: Triệu USD, %*

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 8/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 7/2024 (%)	So với Tháng 8/2023 (%)	8 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 8 Tháng 2024
-------------------	--------------------------	-------------------------	-------------------------	--------------------------	-------------------------	-----------------------

						(%)
Tổng	1.091,81	-7,24	13,62	7.802,30	1,31	100
Hàng hóa khác	121,97	-3,21	15,44	854,48	31,94	10,95
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	102,12	-6,55	-22,68	799,46	-34,84	10,25
Ô tô nguyên chiếc các loại	128,03	-22,44	103,3	756,64	-8,31	9,70
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	91,31	-14,45	11,9	647,11	7,66	8,29
Hàng điện gia dụng và linh kiện	39,19	-29,06	-12,52	600,54	21,29	7,70
Chất dẻo nguyên liệu	65,69	9,11	18,35	443,74	6,08	5,69
Kim loại thường khác	55,70	-13,58	-17,44	433,05	31,73	5,55
Linh kiện, phụ tùng ô tô	55,46	-12,79	-3,27	416,33	-0,95	5,34
Xăng dầu các loại	81,12	13,14	45,48	304,53	-36,06	3,90
Hóa chất	39,80	18,89	40,69	257,39	-1,1	3,30
Sản phẩm hóa chất	33,45	-9,62	2,73	243,44	5,03	3,12
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	27,10	-2,75	18,96	213,25	21,96	2,73
Vải các loại	23,24	-3,31	-4,81	178,35	3,51	2,29
Sản phẩm từ chất dẻo	21,47	-14,2	-10,96	169,56	-1,62	2,17
Cao su	14,43	-5,81	22,98	102,54	42,64	1,31
Giấy các loại	12,81	-12,13	3,15	100,69	0,26	1,29
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	14,95	29,16	19,09	98,41	7,35	1,26
Gỗ và sản phẩm gỗ	15,76	20,58	72,09	98,10	31,18	1,26
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	11,81	-17,02	36,8	94,40	14,27	1,21
Sản phẩm từ sắt thép	13,24	3,53	21,74	92,76	15,52	1,19
Xơ, sợi dệt các loại	13,26	-7,43	74,15	88,77	29,61	1,14
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	9,24	11,52	-0,94	73,37	6,44	0,94
Dược phẩm	7,36	2,08	-26,35	69,37	28,85	0,89
Quặng và khoáng sản khác	7,18	-45,52	85,56	61,12	121,58	0,78
Sản phẩm từ cao su	8,50	-3,3	26,66	60,51	18,37	0,78
Sản phẩm từ giấy	7,28	-9,45	27,87	53,18	8,42	0,68
Chế phẩm thực phẩm khác	8,15	4,42	8,39	53,10	1,56	0,68
Dây điện và dây cáp điện	6,33	-23,25	44,98	51,49	47,57	0,66
Sản phẩm từ kim loại	4,36	-4,68	25,62	42,68	37,79	0,55

thường khác						
Sắt thép các loại	5,31	4,95	27,16	42,37	20,01	0,54
Hàng rau quả	9,11	12,31	55,98	41,18	38,9	0,53
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	5,71	-5,51	-0,42	40,20	12,27	0,52
Dầu mỡ động, thực vật	6,66	48,66	91,61	38,67	39,73	0,50
Sữa và sản phẩm sữa	6,42	29,21	0,19	38,20	3,74	0,49
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	4,91	30,3	16,5	29,74	-3,69	0,38
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	3,56	-4,55	235,37	25,36	78,91	0,33
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	1,33	-58,7	-66,94	20,95	-31,33	0,27
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	4,96	64,75	225,65	18,71	42,77	0,24
Khí đốt hóa lỏng	1,15	1,57	32,09	17,47	23,49	0,22
Hàng thủy sản	1,63	37,2	-49,01	15,12	-30,33	0,19
Ngô	0,29	-21,79	-73,68	12,40	-28,62	0,16
Phân bón các loại	0,27	95,25	394,2	2,45	-36,79	0,03
Nguyên phụ liệu dược phẩm	0,18			1,14	26,98	0,01

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

## **II. Đẩy mạnh các hoạt động thúc đẩy xuất khẩu của nước ta sang thị trường Thái Lan**

Để thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Thái Lan, các cơ quan quản lý nhà nước cần thực hiện một loạt các biện pháp đồng bộ và hiệu quả. Thứ nhất, việc xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ xuất khẩu là vô cùng cần thiết. Cơ quan quản lý cần phát triển các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thông qua việc cung cấp thông tin thị trường, hướng dẫn quy trình xuất khẩu, và hỗ trợ tài chính. Các biện pháp này giúp doanh nghiệp nắm bắt kịp thời cơ hội và giảm bớt rủi ro trong quá trình thâm nhập vào thị trường Thái Lan.

Thứ hai, cần tập trung vào việc nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu. Cơ quan nhà nước có thể hợp tác với các tổ chức chuyên ngành để triển khai các chương trình đào tạo kỹ thuật, nghiên cứu thị trường và cải tiến sản phẩm. Bên cạnh đó, việc đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế cũng là điều kiện tiên quyết để thâm nhập thành công vào thị trường Thái Lan.

Thứ ba, việc tăng cường hợp tác thương mại và đầu tư giữa hai nước là một yếu tố quan trọng. Các cơ quan quản lý cần chủ động tổ chức các hội thảo, triển lãm thương mại và xúc tiến đầu tư để kết nối doanh nghiệp Việt Nam với đối tác Thái Lan, giúp mở rộng mạng lưới giao thương, tạo cơ hội cho việc ký kết các hợp đồng và thỏa thuận thương mại có lợi.

Cuối cùng, việc đơn giản hóa và cải cách các thủ tục hành chính cũng là một biện pháp thiết yếu. Các cơ quan quản lý nhà nước cần rà soát và cải tiến quy trình xuất khẩu, giảm thiểu các rào cản về thủ tục, giấy tờ và thời gian thông quan. Việc này không chỉ giúp giảm chi phí cho doanh nghiệp mà còn nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu.

Đối với các doanh nghiệp, để đẩy mạnh các hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Thái Lan, các doanh nghiệp cần thực hiện một số biện pháp quan trọng nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh và mở rộng cơ hội kinh doanh. Trước tiên, việc nghiên cứu và phân tích thị trường là rất cần thiết. Các doanh nghiệp cần đầu tư vào việc tìm hiểu xu hướng tiêu dùng, nhu cầu và thói quen của người tiêu dùng Thái Lan. Thông qua việc thu thập dữ liệu thị trường và phân tích đối thủ cạnh tranh, doanh nghiệp có thể xác định được các cơ hội và thách thức, từ đó điều chỉnh chiến lược tiếp cận thị trường một cách hiệu quả hơn.

Thứ hai, chất lượng sản phẩm và dịch vụ đóng vai trò then chốt trong việc thâm nhập vào thị trường Thái Lan. Doanh nghiệp cần chú trọng vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo rằng các sản phẩm xuất khẩu đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu cụ thể của thị trường Thái Lan. Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) để cải tiến sản phẩm, đồng thời chứng nhận các chứng chỉ chất lượng và an toàn thực phẩm cũng là một chiến lược quan trọng để tạo sự tin cậy và tăng sức hấp dẫn của sản phẩm.

Thứ ba, các doanh nghiệp cần xây dựng và duy trì mối quan hệ hợp tác tốt với các đối tác địa phương tại Thái Lan. Việc hợp tác với các nhà phân phối, đại lý, và các tổ chức thương mại địa phương không chỉ giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn về thị trường mà còn tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận và phân phối sản phẩm. Thực hiện các hoạt động giao lưu thương mại, tham gia hội chợ triển lãm quốc tế và các sự kiện xúc tiến thương mại cũng giúp tăng cường khả năng kết nối và xây dựng mạng lưới kinh doanh.

Cuối cùng, việc tối ưu hóa quy trình logistics và quản lý chuỗi cung ứng là yếu tố quan trọng để giảm thiểu chi phí và thời gian vận chuyển. Doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống logistics hiệu quả, chọn lựa các đối tác vận chuyển đáng tin cậy và cải tiến quy trình giao nhận hàng hóa để đảm bảo sự kịp thời và an toàn trong việc đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng Thái Lan.

Về định hướng phát triển quan hệ thương mại của hai nước trong thời gian tới: Tại Kỳ họp lần 5 Ủy ban hỗn hợp về hợp tác song phương Việt Nam - Thái Lan vào tháng 04/2024, Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn đã cùng Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Thái Lan Parnpree Bahiddha-Nukara (Pan-pri Phahit-tha-nu-con) đồng chủ trì Kỳ họp. Tại phiên họp, hai bên nhất trí khẳng định

quan hệ Đối tác Chiến lược tăng cường Việt Nam – Thái Lan ngày phát triển sâu rộng và thực chất, trên cơ sở tôn trọng, tin cậy lẫn nhau và cùng có lợi.

Đánh giá hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư luôn là điểm sáng trong quan hệ song phương, hai bên nhất trí khuyến khích các doanh nghiệp hai nước mở rộng kinh doanh và đầu tư; tạo thuận lợi cho tiếp cận thị trường đối với hàng hóa của hai nước thông qua việc hạn chế áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, phấn đấu đưa kim ngạch thương mại hai chiều sớm đạt 25 tỷ USD theo hướng cân bằng và bền vững hơn. Hai bên cũng nhất trí tìm kiếm khả năng hợp tác trong các lĩnh vực chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, chính phủ điện tử; thúc đẩy hợp tác về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, tăng cường kết nối mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giữa hai nước, hướng tới sự phát triển lâu dài, bền vững, thân thiện với môi trường.